

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2016/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 106/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 tháng 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 tháng 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã

hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn để các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thẩm quyền theo phân cấp được thuận lợi, đảm bảo quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật và nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý và Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý./.

CHỦ TỊCH
Bùi Thị Quỳnh Vân

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (chỉ áp dụng cho việc đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo) (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức), đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Trụ sở làm việc và tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các tài sản khác do pháp luật quy định.

3. Tài sản nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm:

a) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia (trừ việc đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo); tài sản dự trữ quốc gia; tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên, đất đai và tài sản khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

2. Cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước

đối với tài sản nhà nước.

3. Đối với đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh thì lĩnh vực mua sắm tài sản để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh từ nguồn kinh phí của tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 106/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ và Quy định này.

Chương II **NỘI DUNG PHÂN CẤP THẨM QUYỀN** **ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất;

b) Ô tô, tàu thủy, xe mô tô đặc chủng;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị mua mới (100%) từ 01 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của các cơ quan, tổ chức (kể cả các đơn vị trực thuộc).

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương

a) Xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị mua mới (100%) từ trên 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp các Sở, ban, ngành tỉnh, cấp tương đương không có đơn vị trực thuộc thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm của Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương bao gồm cả việc mua sắm dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị mua mới (100%) từ trên 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương

Mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị mua mới (100%) từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại). Trường hợp các cơ

quan, tổ chức thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương không có đơn vị trực thuộc thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương bao gồm cả việc mua sắm dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị mua mới (100%) từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại). Trường hợp các cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố không có đơn vị trực thuộc thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bao gồm cả việc mua sắm dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị mua mới (100%) không quá 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

6. Thủ trưởng đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng ngân sách nhà nước được mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng có giá trị mua mới (100%) dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

7. Đối với vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên (trừ các vật tư, công cụ, dụng cụ đã có văn bản của Nhà nước quy định khác hoặc hướng dẫn riêng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện việc mua sắm theo quy định hiện hành của Nhà nước; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thuê trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác phục vụ hoạt động của các Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương (kể cả các đơn vị trực thuộc), có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 200 triệu đồng trở lên.

2. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương

Thuê trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) dưới 200 triệu đồng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Thuê trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Điều chuyển tài sản nhà nước giữa các Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương; giữa Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; giữa các Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

b) Điều chuyển trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, ô tô giữa các cơ quan, tổ chức trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (Trừ các tài sản của các cơ quan, tổ chức trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, ô tô do Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý, sử dụng;

b) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, ô tô của các cơ quan, tổ chức trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (Trừ các tài sản của các cơ quan, tổ chức trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Ô tô, tàu thủy, xe mô tô đặc chủng;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng);

b) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;

b) Ô tô, tàu thủy, xe mô tô đặc chủng;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan tổ chức.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng);

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp các Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương không có đơn vị trực thuộc thì thẩm quyền quyết định việc thanh lý, tiêu hủy tài sản của Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương bao gồm cả thẩm quyền thanh lý, tiêu hủy tài sản dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương

Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản. Trường hợp các cơ quan, tổ chức thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương không có đơn vị trực thuộc thì thẩm quyền quyết định việc thanh lý, tiêu hủy tài sản của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương bao gồm cả việc thẩm quyền thanh lý, tiêu hủy tài sản dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản. Trường hợp các cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành

phổ không có đơn vị trực thuộc thì thẩm quyền quyết định việc thanh lý, tiêu hủy tài sản của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bao gồm cả thẩm quyền thanh lý, tiêu hủy tài sản dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng ngân sách nhà nước được thanh lý, tiêu hủy máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Chương III **NỘI DUNG PHÂN CẤP THẨM QUYỀN** **ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Điều 9. Tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính

Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, thuê tài sản, điều chuyển tài sản, thu hồi tài sản, bán tài sản và thanh lý, tiêu hủy tài sản được thực hiện như các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Chương II Quy định này.

Điều 10. Tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

a) Từ nguồn ngân nhà nước cấp: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Chương II Quy định này.

b) Từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc mua sắm trụ sở làm việc, xe ô tô.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc mua sắm tài sản còn lại phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản

a) Từ nguồn ngân nhà nước cấp: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Chương II Quy định này.

b) Từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc thuê tài sản phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản, thu hồi tài sản: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Chương II Quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản

a) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Chương II Quy định này.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước./.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân